

Số: 21/2013/NQ-HĐND

An Giang, ngày 10 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

**Về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ
môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh An Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 7**

(Từ ngày 09 đến ngày 10/12/2013)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15 tháng 5 năm 2013 của liên Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Sau khi xem xét Tờ trình số 93/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh An Giang; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

1. Đối tượng chịu phí và mức thu phí:

a) Đối với nước thải sinh hoạt do các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng từ hệ thống cấp nước sạch.

STT	Đối tượng chịu phí	Mức thu phí
1	Hộ gia đình;	3% trên giá bán 1m ³ nước sạch sinh hoạt chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng đối với thành phố Long Xuyên, thành phố Châu Đốc và thị xã Tân Châu. Chưa thu đối với các
2	Cơ quan nhà nước;	
3	Đơn vị vũ trang nhân dân (trừ các cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến thuộc các đơn vị vũ trang nhân dân);	

4	Trụ sở điều hành, chi nhánh, văn phòng của các tổ chức, cá nhân không gắn liền với địa điểm sản xuất, chế biến;	huyện còn lại
5	Cơ sở: rửa ô tô, rửa xe máy, sửa chữa ô tô, sửa chữa xe máy;	
6	Bệnh viện; phòng khám chữa bệnh; nhà hàng, khách sạn; cơ sở đào tạo, nghiên cứu; cơ sở kinh doanh, dịch vụ khác;	

b) Đối với nước thải sinh hoạt do các cơ sở, tổ chức tự khai thác nước để sử dụng ở thành phố Long Xuyên, thành phố Châu Đốc và thị xã Tân Châu.

STT	Đối tượng chịu phí	Mức thu phí (đồng/ tháng/cơ sở)
1	Cơ sở kinh doanh khách sạn, nhà trọ, nhà nghỉ	
1.1	Dưới 10 phòng	15.000
1.2	Từ 10 phòng đến dưới 20 phòng	25.000
1.3	Từ 20 phòng đến dưới 30 phòng	35.000
1.4	Từ 30 phòng đến dưới 40 phòng	45.000
1.5	Từ 40 phòng đến dưới 50 phòng	55.000
1.6	Từ 50 phòng trở lên	65.000
2	Cơ sở rửa xe ô tô, xe máy	30.000
3	Cơ sở cửa hàng, nhà hàng, quán ăn uống	30.000
4	Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác như : cơ sở sửa chữa xe, phòng khám, bệnh viện, cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu...	20.000

2. Đơn vị thu:

a) Công ty Cổ phần Điện nước An Giang tổ chức thu đối với các đối tượng do Công ty cung cấp nước sạch.

b) Ủy ban nhân dân xã, phường thuộc thành phố Long Xuyên, thành phố Châu Đốc và thị xã Tân Châu xác định và tổ chức thu phí đối với các tổ chức, cơ sở kinh doanh dịch vụ tự khai thác nước để sử dụng.

3. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng:

a) Để lại 5% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thu được cho đơn vị cung cấp nước sạch; 10% trên tổng số phí thu được cho

Ủy ban nhân dân xã, phường thuộc thành phố Long Xuyên, thành phố Châu Đốc và thị xã Tân Châu để trang trải chi phí cho việc thu phí.

b) Phần còn lại (sau khi trừ đi số phí trích để lại cho đơn vị cung cấp nước sạch, Ủy ban nhân dân xã, phường) được nộp toàn bộ vào ngân sách địa phương để sử dụng cho công tác bảo vệ môi trường; bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ Bảo vệ môi trường của địa phương để sử dụng cho việc phòng ngừa, hạn chế, kiểm soát ô nhiễm môi trường do nước thải; tổ chức thực hiện các giải pháp, phương án công nghệ, kỹ thuật xử lý nước thải, theo tỷ lệ:

- Ngân sách tỉnh hưởng: 50%
- Ngân sách thị xã, thành phố hưởng : 50%

c) Việc thu, nộp, quản lý sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh An Giang được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15 tháng 5 năm 2013; các quy định hiện hành về phí, lệ phí và Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa VIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2013, có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua và thay thế nội dung tại gạch đầu dòng thứ hai Điều 1 Nghị quyết số 04/2005/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2005 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa VII kỳ họp thứ 4 (từ ngày 28 đến ngày 29 tháng 6 năm 2005) về việc điều chỉnh mức thu phí dự thi, dự tuyển, ban hành khung thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và khung thu thủy lợi phí, tiền nước (phí sử dụng nguồn nước)./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ III - Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT, TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- TT, HĐND, UBND các huyện, thị, thành;
- Báo AG, Đài PTTH AG, Phân xã AG, Website tỉnh;
- Lưu: VT, P.CTHĐND-LD.



Phan Văn Sáu